

Số: 493/NQ/ĐHĐCĐ

Hải Dương, ngày 26 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 ;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 06/6/2006 và Luật sửa đổi bổ sung Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 ;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/3/2017;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính và Phân phối lợi nhuận niên độ kỳ kế toán từ 01/4/2017 đến 31/12/2017.

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2017:

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN
I	SẢN PHẨM SẢN XUẤT CHỦ YẾU		
1	- Sản xuất nước sạch đầu nguồn:	1.000 m ³	36.695,0
2	- Sản lượng doanh thu nước sạch:	1.000 m ³	31.599,8
3	- Tỷ lệ thất thoát, thất thu	%	11
4	- Phát triển khách hàng	Hộ	9.899
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH		
1	Vốn điều lệ	Tr. đồng	318.824,7
2	Tổng doanh thu	Tr. đồng	307.818
	- Nước sạch	Tr. đồng	286.392
	- Thi công xây lắp	Tr. đồng	17.346
	- Nước tinh lọc và các hoạt động khác	Tr. đồng	4.080
3	Tổng chi phí	Tr. đồng	278.252
4	Lợi nhuận trước thuế		29.566
5	Lợi nhuận sau thuế		23.558
IV	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC		

1	Nộp ngân sách (các loại thuế, phí)	Tr. đồng	21.448
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	9,6
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn Điều lệ	%	9,3
4	Tổng quỹ lương	Tr. đồng	68.164
5	Tổng lao động	Người	930
6	Lương bình quân người/ tháng	Tr. đồng	8,143

1.2. Báo cáo tài chính niên độ kỳ kế toán từ 01/4/2017 đến 31/12/2017

Các chỉ tiêu chính như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN
I	Tổng tài sản	Tr. đồng	1.017.341
1	Tài sản ngắn hạn	Tr. đồng	91.250
2	Tài sản dài hạn	Tr. đồng	926.091
II	Tổng nguồn vốn	Tr. đồng	1.017.341
1	Nợ phải trả	Tr. đồng	668.315
2	Vốn chủ sở hữu	Tr. đồng	349.026

(Có báo cáo tài chính niên độ kỳ kế toán từ 01/4/2017 đến 31/12/2017 kèm theo)

1.3. Phân phối lợi nhuận niên độ kỳ kế toán:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN
I	Lợi nhuận sau thuế niên độ kỳ kế toán từ 01/4/2017 đến 31/12/2017)	đồng	23.557.798.147
1	Trả cổ tức bằng tiền 5,00%	đồng	15.941.235.000
2	Trích lập đầu tư phát triển	đồng	4.947.137.611
3	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi: Trong đó:	đồng	2.669.425.536
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động ;	đồng	2.363.525.536
	- Quỹ khen thưởng của BDH;	đồng	305.900.000

1.4. Ủy quyền cho HĐQT xem xét và quyết định:

Thời gian chi trả cổ tức và thực hiện các thủ tục liên quan đến chia cổ tức cho các cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty.

Điều 2. Thông qua Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018:

2.1. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
I	SẢN PHẨM SẢN XUẤT CHỦ YẾU		
1	- Sản xuất nước sạch đầu nguồn:	Triệu m ³	50,636
2	- Sản lượng doanh thu nước sạch:	Triệu m ³	45,000
3	- Tỷ lệ thất thoát, thất thu	%	<12
4	- Phát triển khách hàng	Hộ	10.500
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH		
1	Vốn điều lệ	Tr. đồng	318.824,7

2	Tổng doanh thu	Tr. đồng	430.000
	- Nước sạch	Tr. đồng	409.000
	- Thi công xây lắp	Tr. đồng	15.000
	- Nước tinh lọc và các hoạt động khác	Tr. đồng	6.000
3	Tổng chi phí	Tr. đồng	396.000
4	Lợi nhuận trước thuế		34.000
5	Lợi nhuận sau thuế		27.200
III	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC		
1	Nộp ngân sách (các loại thuế, phí)	Tr. đồng	40.056
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	7,9
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn điều lệ	%	10,7
4	Tổng quỹ lương	Tr. đồng	87.340
5	Tổng lao động	Người	936
6	Lương bình quân người/tháng	Tr. đồng	7,776

2.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
I	Lợi nhuận sau thuế năm 2018	Tr. đồng	27.200
1	Trả cổ tức bằng tiền thấp nhất 6,5%	Tr. đồng	20.724
2	Quỹ đầu tư phát triển	Tr. đồng	2.720
3	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi: Gồm: - Quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động ; - Quỹ khen thưởng của BĐH;	Tr. đồng	3.756

2.3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và quyết định:

- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận sau thuế đạt được của năm 2018, quy định theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước:

- Quyết định tỷ lệ chi trả cổ tức; trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

- Quyết định phân quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động và quỹ khen thưởng của Ban điều hành.

- Quyết định thời gian chi trả cổ tức và thực hiện các thủ tục liên quan đến chi trả cổ tức cho các cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên.

Điều 4. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên.

Điều 5. Thông qua Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 6. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động SXKD của công ty, hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

Điều 7. Thông qua Báo cáo công khai lợi ích liên quan của người nội bộ.

Điều 8. Thông qua toàn văn sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương gồm có 21 Chương và 57 Điều.

Điều 9. Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương gồm có 9 Chương và 64 Điều.

Điều 10. Thông qua Tiêu chí và danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2018.

10.1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập thuộc danh sách các doanh nghiệp kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2018 theo quyết định số 2631/QĐ-BTC ngày 14/11/2017 của Bộ tài chính và được UBCK nhà nước chấp thuận:

- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và kinh nghiệm, trung thực, khách quan, có uy tín, đề cao đạo đức nghề nghiệp;

- Không có quan hệ mua bán cổ phiếu, tài sản hoặc góp liên doanh với Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương;

- Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ và chất lượng kiểm toán;

- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

10.2. Danh sách đề xuất các đơn vị kiểm toán :

1. Công ty kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE).

2. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (ANVIET).

3. Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán và tư vấn (UHY).

10.3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn và ký kết hợp đồng đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật

Điều 11. Thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2017 và Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2018.

11.1. Quyết toán tiền lương, thù lao kế hoạch 9 tháng cuối năm 2017

11.1.1. Mức lương, thù lao và tổng quỹ lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/3/2017:

- Mức lương Chủ tịch HĐQT:	27.000.000 đ/th
- Mức lương Phó Chủ tịch HĐQT:	24.000.000 đ/th
- Mức lương Thành viên HĐQT:	23.000.000 đ/th
- Mức thù lao thành viên HĐQT:	4.600.000 đ/th
- Mức lương Trưởng BKS:	21.000.000 đ/th
- Mức lương Kiểm soát viên:	15.000.000 đ/th
- Mức thù lao Kiểm soát viên:	3.000.000 đ/th

11.1.2. Nguyên tắc trả lương:

- Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách tại Công ty được trả lương chuyên trách, không hưởng thù lao.

- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty (TGĐ, Phó TGĐ, Kế toán trưởng) hưởng lương chuyên trách đối với các chức danh quản lý, lãnh đạo đó không hưởng thêm thù lao thành viên HĐQT.

- Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thì được hưởng thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS

HĐQT hưởng lương chuyên trách gồm có 02 người: Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT.

HĐQT hưởng thù lao có: 01 người.

BKS hưởng lương chuyên trách gồm có: 02 người, Trưởng BKS, 01 Thành viên.

BKS hưởng thù lao có 01 người.

Tổng Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch theo mức lương và thù lao được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua là: **851.400.000 đồng**.

(Tám trăm năm một triệu, bốn trăm nghìn đồng)

11.1.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
1	Sản lượng nước sạch doanh thu	m ³	30.500.000	31.599.828	103,6
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	300.784	307.818	102,3
3	Lao động bình quân	Người	945	930	giảm 15
4	Năng suất lao động	m ³ /ng/năm	32,275	33.751	104,6
5	Nộp ngân sách	Tr.đ	17.625	21.448	121,7
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	19.927	23.558	118,2
7	Bảo toàn vốn	Tr.đ	318.824,7	318.824,7	100

Tiền lương, thù lao và quỹ lương thực hiện 9 tháng năm 2017 của HĐQT và BKS như sau:

- Tiền lương Chủ tịch HĐQT: 31.860.000 đ/th
- Tiền lương Phó chủ tịch HĐQT: 28.320.000 đ/th
- Tiền lương Thành viên HĐQT: 27.140.000 đ/th
- Thù lao Thành viên HĐQT: 5.428.000 đ/th
- Tiền lương Trưởng BKS: 24.780.000 đ/th
- Tiền lương Kiểm soát viên: 17.700.000 đ/th
- Thù lao Kiểm soát viên: 3.540.000 đ/th

Tổng Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện 9 tháng năm 2017 của HĐQT, BKS là: **962.172.000 đồng**.

(Chín trăm sáu mươi hai triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng)

8.2. Mức tiền lương, thù lao và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2018.

11.2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Sản lượng nước sạch doanh thu	m ³	45.000.000
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	430.000
3	Lao động bình quân	Người	936
4	Năng suất lao động	m ³ /ng/năm	48,076
5	Nộp ngân sách	Tr.đ	40.056
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	27.200
7	Bảo toàn vốn	Tr.đ	318.824,7

11.2.1. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2018 của HĐQT, BKS.

Mức lương, thù lao, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2018 như sau:

STT	Chức danh	Mức lương đ/th	Thù lao đ/th
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	29.500.000	
2	Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách	26.500.000	

3	Thành viên HĐQT chuyên trách	25.000.000	
4	Thành viên HĐQT không chuyên trách, kiêm nhiệm		5.000.000
5	Trưởng BKS	23.000.000	
6	Thành viên BKS	16.000.000	
7	Thành viên BKS không chuyên trách, kiêm nhiệm		3.200.000

Tổng Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2018 là: **1.538.400.000 đồng**.
(Một tỷ, năm trăm ba tám triệu, bốn trăm nghìn đồng)

11.2.3. *Quyết toán tiền lương, thù lao và quỹ tiền lương, thù lao thực hiện.*

Cuối năm, căn cứ vào mức lương, thù lao và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch tại khoản 2 mục 11.2.3; Kết quả thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 tại khoản 1 mục 11.2.1 Điều này và quy định theo Điều 15 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước. **ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT** xem xét và quyết định quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2018 và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

Điều 12. Thông qua Thành lập thêm chi nhánh trực thuộc công ty như sau:

- Thành lập Chi nhánh kinh doanh nước sạch số 10

Địa chỉ: Xóm mới, thôn Trảng Kỹ, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương;

Hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện Cẩm Giàng và Bình Giang theo ủy quyền của công ty;

- Chi nhánh kinh doanh nước sạch số 11

Địa chỉ: Số 440, đường Trần Hưng Đạo, khu La Xuyên, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương;

Hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện Nam Sách một số xã phường của thành phố Hải Dương theo ủy quyền của công ty;

Điều 13: Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này được công bố trên trang Website: hdwaco.com.vn.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các Cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung của bản Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương biểu quyết thông qua toàn văn và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/4/2018.

Nơi nhận:

- UBCK nhà nước;
- Như Điều 13;
- Công bố trên website công ty;
- Lưu : VT, TK.



Hải Dương, ngày 26 tháng 4 năm 2018

BIÊN BẢN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG

I. TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH, MÃ SỐ DOANH NGHIỆP:

1. Tên công ty: Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương.
2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 10 đường Hồng Quang, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
3. Mã số doanh nghiệp: 0800001348

II. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM CUỘC HỌP ĐẠI HỘI.

1. Thời gian: Từ 8 giờ 00 phút đến 11 giờ 45 phút ngày 26 tháng 4 năm 2018
2. Địa điểm : tại Hội trường tầng 3 Trụ sở Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương, số 10 đường Hồng Quang, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

III. NỘI DUNG CUỘC HỌP:

1. Tên cuộc họp: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
2. Mục đích, nội dung cuộc họp:
 - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận niên độ kế toán từ 01/4/2017 đến 31/12/2017.
 - Thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.
 - Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - Thông qua báo cáo công khai lợi ích liên quan của người nội bộ.
 - Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/3/2017.
 - Thông qua Quy chế quản trị nội bộ công ty;
 - Thông qua Tiêu chí và danh sách lựa chọn kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018;
 - Thông qua quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS thực hiện 9 tháng năm 2017 và kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2018.
 - Thông qua việc thành lập 02 chi nhánh trực thuộc: Chi nhánh KDNS số 10 và Chi nhánh KDNS số 11.

IV. THÀNH PHẦN THAM DỰ CUỘC HỌP:

1. Tổng số cổ đông của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương theo danh sách chốt ngày 04/4/2018 là: **898** cổ đông.



- Tổng số cổ phần sở hữu: **31.882.470** cổ phần
- Tổng số quyền biểu quyết: **31.882.470** quyền
- 2. Tổng số cổ đông (Sở hữu và đại diện theo ủy quyền) theo danh sách đăng ký tham dự là **81** cổ đông.

- Tổng số cổ phần sở hữu: **31.882.470** cổ phần, tương ứng : **31.882.470** quyền biểu quyết.

3. Tổng số cổ đông (sở hữu và đại diện theo ủy quyền) có mặt tham dự cuộc họp Đại hội đủ tư cách theo quy định là: **65** cổ đông đại diện cho **882** cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu và đại diện theo ủy quyền: **31.756.792** cổ phần, tương ứng : **31.756.792** quyền biểu quyết

Chiếm tỷ lệ **99,606%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

- Số cổ phần không có quyền biểu quyết: 0.

- Tổng số cổ đông vắng mặt **16** cổ đông sở hữu: **125.678** cổ phần tương ứng **125.678** quyền biểu quyết chiếm **0,004%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty. (có danh sách các cổ đông tham dự chi tiết kèm theo)

V. DIỄN BIẾN TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI.

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu :

Vào 8 giờ 00 phút cuộc họp Đại hội bắt đầu được tiến hành.

- Ông Nguyễn Thanh Sơn - Chủ tịch công đoàn - Thành viên Ban tổ chức , Thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã thực hiện:

- + Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu.
- + Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.
- + Thông qua quy chế tổ chức và biểu quyết cuộc họp Đại hội.
- + Mời Chủ tọa điều hành cuộc họp Đại hội

2. Chương trình, nhân sự cuộc họp đại hội:

Vào hồi 8 giờ 10 phút:

Ông Nguyễn Văn Đoàn – Chủ tịch HĐQT- Chủ tọa cuộc họp Đại hội trình bày và giới thiệu:

2.1. Chương trình cuộc họp Đại hội.

2.2. Thành phần Đoàn chủ tọa và Ban thư ký cuộc họp Đại hội

- Đoàn chủ tọa:

- + Ông Nguyễn Văn Đoàn - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa
- + Ông Vũ Mạnh Dũng - Thành viên HĐQT- TGD - Thành viên
- + Bà Nguyễn Thị Hương - Thành viên HĐQT- KTTTr - Thành viên

- Ban thư ký:

- + Ông Lê Tiến Đạt - Bí thư ĐTN - PGĐ CN số 1 - Trưởng Ban
- + Nguyễn Thị Thu Hằng - Thành viên Ban kiểm soát - Thành viên

2.3. Thành phần Ban kiểm phiếu:

- Ông: Nguyễn Bá Quyết - Trưởng ban
- Ông: Đỗ Ngọc Phương - Thành viên
- Ông: Nguyễn Thái Dũng - Thành viên
- Ông: Trần Hữu Định - Thành viên
- Bà: Nguyễn Thị Tú - Thành viên

Đại hội đã biểu quyết:

Nội dung biểu quyết:

- Chương trình cuộc họp Đại hội;
- Thành phần Đoàn chủ tọa, Ban thư ký;
- Ban kiểm tra thẻ, phiếu biểu quyết.

Hình thức biểu quyết:

Đại hội biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết 01 lần.

Kết quả biểu quyết:

Đồng ý : **65** thẻ, tương ứng số cổ phần: **31.756.792** cổ phần, chiếm: **100 %** số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Không đồng ý: 0 thẻ

Không có ý kiến: 0 thẻ

3. Nội dung được cuộc họp Đại hội thảo luận và thông qua.

3.1. Thời gian từ 8 giờ 30 phút đến 9 giờ 55 phút:

Đại hội đã được nghe:

3.1.1. Ông Vũ Mạnh Dũng - Thành viên HĐQT - TGD trình bày:

- Tờ trình số: 441/TTr-HĐQT ngày 12/4/2018 về việc Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận niên độ kế toán từ 01/4/2017 đến 31/12/2017.

- Tờ trình số: 440/TTr-HĐQT ngày 12/4/2018 về việc Thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.

3.1.2 Ông Nguyễn Văn Phụng - Phó chủ tịch HĐQT trình bày:

- Báo cáo số: 448/BC-HĐQT ngày 12/4/2018, Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

3.1.3. Bà Trần Thị Thanh ngân - Trưởng ban kiểm soát trình bày:

- Báo cáo số: 462/BC-BKS ngày 12/4/2018 Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên 9 tháng năm 2017;

- Báo cáo số: 443/BC-BKS ngày 12/4/2018 Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

3.1.4. Ông Nguyễn Văn Phụng - Phó chủ tịch HĐQT trình bày:

- Báo cáo số: 449 / BC-HĐQT ngày 12/4/2018 Báo cáo công khai lợi ích liên quan của người nội bộ.

3.1.5. Ông Phạm Minh Cường - Thành viên HĐQT - PTGD trình bày:

- Tờ trình số: 446/TTr - HĐQT ngày 12/4/2018 về việc Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/3/2017.

- Tờ trình số: 444/ TTr - HĐQT ngày 12/4/2018 về việc Thông qua Quy chế quản trị nội bộ công ty;

3.1.6. Bà Trần Thị Thanh ngân - Trưởng ban kiểm soát trình bày:

- Tờ trình số: 463/TTr-BKS ngày 12/4/2018 về việc Thông qua Tiêu chí và danh sách lựa chọn kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018;

3.1.7. Bà Nguyễn Thị Hương - Thành viên HĐQT- KTTTr trình bày:

- Tờ trình số: 488/TT- HĐQT ngày 19/4/2018 về việc Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao thực hiện của HĐQT, BKS 9 tháng năm 2017 và kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2018.

3.1.8. Ông Trần Quốc Khanh - Thành viên HĐQT- PTGD trình bày:

- Tờ trình số: 439/TTr - HĐQT ngày 12/4/2018 về việc Thông qua việc thành lập 02 chi nhánh trực thuộc: Chi nhánh KDNS số 10 và Chi nhánh KDNS số 11.

3.2. Thời gian từ 9 giờ 25 phút đến 10 giờ 35 phút:

Dưới sự điều hành của Đoàn chủ tọa các cổ đông tham dự Cuộc họp Đại hội phát biểu tham luận :

3.2.1. *Cổ đông: Vũ Văn Thắng - Mã cổ đông tham dự: 44*

Sở hữu cổ phần: 16.903 cổ phần và đại diện ủy quyền 44.540 cổ phần

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội 61.443 quyền

Phát biểu tham luận với các nội dung sau:

- Xin Đoàn chủ tọa cho biết với tỷ lệ chi trả cổ tức theo phương án tại Tờ trình số: 441/TTr-HĐQT ngày 12/4/2018, thì bao giờ cổ đông nhận được cổ tức:

Ông Nguyễn Văn Đoàn thay mặt cho Đoàn chủ tọa trả lời :

Theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty quy định: thời gian chi trả cổ tức cho các cổ đông không quá 6 tháng kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua, để đảm bảo sớm chi trả cổ tức cho các cổ đông thì ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua phương án phân phối lợi nhuận và ủy quyền chi trả cổ tức cho HĐQT, HĐQT sẽ chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức và thực hiện ngay việc chi trả cổ tức cho các cổ đông, dự kiến hoàn tất vào đầu quý 3/2018.

3.2.2. *Cổ đông: Mạc Huy Hoàng - Mã cổ đông tham dự: 56*

Sở hữu cổ phần: 16.975 cổ phần và đại diện ủy quyền 272.700 cổ phần

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội 289.675 quyền

Phát biểu tham luận với các nội dung sau:

- Xin Đoàn chủ tọa cho biết căn cứ theo Báo cáo số: 448/BC-HĐQT ngày 12/4/2018, lợi nhuận sau thuế 9 tháng 2017 thực hiện được là 23,558 tỷ đồng, nhưng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế 2018 chỉ là 27,200 tỷ. Đề nghị HĐQT có thể điều chỉnh tăng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của năm 2018 để tăng cổ tức cho các cổ đông được không.

- Trong văn kiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và dự thảo quy chế quản trị nội bộ công ty vẫn còn một số lỗi chính tả, đề nghị xem xét điều chỉnh trước khi ban hành các văn kiện trên. Ví dụ Điều 19 trang 17 của quy chế quản trị nội bộ : báo cáo của HĐQT và giám đốc” phải thay bằng “**Tổng** giám đốc”. Điều 21 trang 17 : “ hay đổi cơ cấu...” sửa thành “ **thay** đổi cơ cấu...” ; trang 19, Điều 23 khoản 23.7 : “ thành viên HĐQT kiểm soát viên, giám đốc” sửa lại thành “thành viên HĐQT kiểm soát viên, **Tổng** giám đốc”,.....

Ông Nguyễn Văn Đoàn thay mặt cho Đoàn chủ tọa trả lời :

Về Chi tiêu này HĐQT cũng đã nghiên cứu và cân nhắc rất kỹ, muốn tăng được lợi nhuận sau thuế phụ thuộc vào sản lượng doanh thu và tổng doanh thu, cũng như chi phí. Năm 2017 chúng ta đã đạt được 41 triệu m³ tăng hơn so với năm 2016 là hơn 5 triệu m³ và phải thực hiện tiết kiệm nhiều khoản chi phí, năm 2018 chúng ta đề ra chỉ tiêu 45 triệu m³, nếu chúng ta thực hiện vượt chỉ tiêu này và tiết kiệm chi phí thì lợi nhuận cũng như cổ tức sẽ tăng lên. Do đó về kế hoạch chi trả cổ tức năm 2018 HĐQT đã trình tỷ lệ chi trả cổ tức không thấp hơn là 6,5%.

Thay mặt đoàn chủ tọa Ông Nguyễn Văn Đoàn xin ghi nhận và tiếp thu và giao cho Tiểu ban soạn thảo chỉnh sửa hoàn thiện trước khi ban hành.

Về một số ý kiến tham gia đóng góp của các Sở, ngành (theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh) HĐQT giao cho Tiểu ban soạn thảo nghiên cứu xem xét và sửa đổi cho phù hợp quy định của pháp luật trước khi ban hành.

3.3. Thời gian từ 10 giờ 35 phút đến 11 giờ 00 phút :

Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung:

3.3.1. Các nội dung biểu quyết:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính và phê chuẩn phương án phân phối lợi nhuận niên độ kế toán từ 01/4/2017 đến 31/12/2017.

- Thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.

- Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

- Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

- Thông qua Báo cáo công khai lợi ích liên quan của người nội bộ.

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/3/2017.

- Thông qua Quy chế quản trị nội bộ công ty;

- Thông qua Tiêu chí và danh sách lựa chọn kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018;

- Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS thực hiện 9 tháng năm 2017 và kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2018.

- Thông qua việc thành lập 02 Chi nhánh trực thuộc: Chi nhánh KDNS số 10 và Chi nhánh KDNS số 11.

3.3.2. Hình thức biểu quyết:

Biểu quyết một (01) lần bằng hình thức bỏ phiếu kín các nội dung trên.

Tại thời điểm tiến hành biểu quyết có: **65** cổ đông và đại diện ủy quyền cổ đông với tổng số cổ phần: **31.756.792** cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội.

3.4. Thời gian từ 10 giờ 35 phút đến 11 giờ 10 phút:

Đại hội nghị giải lao, Ban kiểm phiếu làm việc;

3.5. Thời gian từ 11 giờ 10 phút đến 11 giờ 20 phút:

Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu cho Đoàn chủ tọa.

Đoàn chủ tọa công bố kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết.

STT	NỘI DUNG BIỂU QUYẾT	TÁN THÀNH	KHÔNG TÁN THÀNH	KHÔNG CÓ Ý KIẾN
1	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận 9 tháng năm 2017.	65 phiếu, tương ứng 31.756.792 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu	0 phiếu
2	Thông qua Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.	65 phiếu, tương ứng 31.756.792 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu	0 phiếu
3	Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;	65 phiếu, tương ứng 31.756.792 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu	0 phiếu
4	Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;	65 phiếu, tương ứng 31.756.792 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu	0 phiếu
5	Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;	65 phiếu, tương ứng 31.756.792 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu	0 phiếu
6	Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/3/2017.	65 phiếu, tương ứng 31.756.792 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu	0 phiếu

7	Thông qua Quy chế quản trị nội bộ công ty;	65 phiếu, tương ứng 31.756.792 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu	0 phiếu
8	Thông qua Tiêu chí và danh sách lựa chọn kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018;	63 phiếu, tương ứng 31.631.376 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 99,605%.	0 phiếu	2 phiếu tương ứng 125.416 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0,395%.
9	Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao thực hiện của HĐQT, BKS 9 tháng năm 2017 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2018.	65 phiếu, tương ứng 31.756.792 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu	0 phiếu
10	Thông qua việc thành lập 02 đơn vị mới: CN KDNS số 10 và CN KDNS số 11	65 phiếu, tương ứng 31.756.792 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu	0 phiếu
11	Thông qua Báo cáo công khai lợi ích liên quan của người nội bộ.	65 phiếu, tương ứng 31.756.792 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu	0 phiếu

Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương. Các nội dung trên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3.6. Thời gian từ 11 giờ 20 phút đến 11 giờ 30 phút:

Đại hội nghe Ban thư ký :

- Trình bày Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại Hội.

3.7. Thời gian từ 11 giờ 30 phút đến 11 giờ 35 phút:

Đại hội biểu quyết thông qua

3.7.1. Nội dung biểu quyết:

Thông qua Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại Hội

3.7.2. Hình thức biểu quyết:

Biểu quyết một (01) lần bằng hình thức giơ thẻ.

Tại thời điểm tiến hành biểu quyết có: **65** cổ đông và đại diện ủy quyền cổ đông với tổng số cổ phần: **31.756.792** cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội.

3.7.3. Kết quả biểu quyết:

Đồng ý : **65** thẻ, tương ứng số cổ phần: **31.756.792** cổ phần , chiếm:**100 %** số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Không đồng ý: 0 thẻ.

Không có ý kiến: 0 thẻ.

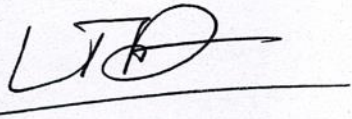
Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương, Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được thông qua.

Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương được công bố trên website : hdwaco.com.vn

3.8. Thời gian từ 11 giờ 30 phút đến 11 giờ 45 phút

Ông Nguyễn Văn Đoàn phát biểu tổng kết và bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. *lv*

T/M BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI
Trưởng ban



Lê Tiến Đạt

T/M ĐOÀN CHỦ TỌA
CHỦ TỌA - CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Văn Đoàn

